

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Bachelor of Logistics and Supply chain management
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng/Logistics and Supply chain management
Mã ngành/Code:	7510605
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	167/QĐ-ĐHKTQD ngày 02/03/2018 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa/Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được thiết kế để giúp sinh viên: (i) có sức khỏe tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tính chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội cao; (ii) nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản trị kinh doanh, thương mại, logistics, quản lý chuỗi cung ứng và thương mại điện tử; (iii) có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng vào thực tiễn; (iv) có năng lực tư duy độc lập, tự học tập, tự nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu mới của công việc; (v) có khả năng tự phát triển các kỹ năng để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc có tính quốc tế và số hóa ngày càng cao của lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh thương mại, thương mại quốc tế, thương mại điện tử và kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PO2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về môi trường kinh doanh, các nguyên lý cơ bản của kinh tế và kinh doanh trong nước và quốc tế.
PO3	Giúp sinh viên làm chủ các phương pháp phân định tính và định lượng, các ứng dụng công nghệ thông tin thích hợp để xử lý thông tin, phân tích thực trạng, nhận dạng các vấn đề liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PO4	Giúp sinh viên tích hợp các kiến thức chung về kinh tế, kinh doanh, luật, thương mại, tài chính và các kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để xác định các giải pháp cho các vấn đề phát sinh trong thực tiễn
PO5	Giúp sinh viên phát triển năng lực giao dịch đàm phán kinh doanh, soạn thảo và rà soát các văn bản giao dịch; năng lực diễn thuyết trong thực hành logistics và quản lý chuỗi cung ứng
PO6	Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản trị, kỹ năng lãnh đạo để triển khai các hoạt động logistics quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường quốc tế.
PO7	Giúp sinh viên phát triển năng lực vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn logistics và quản lý chuỗi cung ứng

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Có năng lực toán học đủ để học được các nội dung có tính định lượng trong các học phần của ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Hiểu được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. (PO2)
PLO1.2	Hiểu được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp. (PO2, PO4)
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau (PO3)
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng để giải quyết các vấn đề thực tiễn (PO1, PO3)
PLO1.5	Vận dụng kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh thương mại, thương mại quốc tế và thương mại điện tử trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng (PO1, PO3)
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng) (PO3)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng). (PO5)
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Giao dịch đàm phán kinh doanh, soạn thảo và rà soát các văn bản giao dịch; năng lực diễn thuyết trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng (PO5)
PLO2.4	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản kinh doanh thương mại, quản trị

	thương mại, thương mại quốc tế, hải quan, logistics, quản lý chuỗi cung ứng và thương mại điện tử (PO1)
b.1	Kỹ năng áp dụng với ngành chuyên sâu Quản trị kinh doanh thương mại
PLO2.5	Có khả năng phân tích, nhận dạng cơ hội và xây dựng các phương án khả thi cho các vấn đề thực tiễn của logistics và quản lý chuỗi cung ứng (PO3, PO4, PO7).
PLO2.6	Kỹ năng để thực hiện vai trò của chuyên viên và nhà Quản trị Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng (PO1, PO5)
PLO2.7	Kỹ năng khác để quản trị hoạt động logistics và các chuỗi cung ứng và các kỹ năng khác để triển khai các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng (PO6)
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5). PO1, PO7
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5) PO1, PO4, PO7
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5). PO7
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).PO2, PO7

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1.1		X					
PLO1.2		X		X			
PLO1.3			X				
PLO1.4	X		X				
PLO1.5	X		X				
PLO2.1			X				
PLO2.2					X		
PLO2.3					X		
PLO2.4	X						
PLO 2.5				X			X
PLO 2.6	X				X		
PLO 2.7						X	

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có thể làm việc tại các cơ quan quản lý các cấp liên quan tới việc hoạch định chính sách cho hoạt động logistics và chuỗi cung ứng, lập kế hoạch và điều phối tại các nhà máy sản xuất, tham gia điều phối các tập đoàn bán lẻ, các công ty tư vấn toàn cầu, các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, các đại lý hàng không, đại lý vận tải, cảng biển, ICD, cảng hàng không, tổ chức - khai thác - quy hoạch kho hàng, bất kỳ công ty và doanh nghiệp nào có ứng dụng logistics trong các hoạt động tổ chức khai thác sản xuất của doanh nghiệp..

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Có thể tiếp tục theo học các chương trình sau đại học về logistics, quản lý chuỗi cung ứng, thương mại, thương mại điện tử, quản trị kinh doanh ở các trường đại học trong và ngoài nước

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng -An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	

2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III -IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III- VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=> VII	
6	6	Pháp luật đại cương / Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II- III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực			12		
12	1	Quản trị logistics căn bản Principles of Logistics Management	TMKT1125	3	II	
13	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	TKKD1129	3	II	

STT		Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
14		Statistics for Economics and Business				
15	3	Kinh tế Quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
	4	Tối ưu hóa Optimization	TOKT1144	3	III	
		2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		83		
		2.1. Các học phần chung của nhóm ngành		12		
	1	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3	VI	
16	2	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	III	
17	3	Kinh tế thương mại Trade Economics	TMKT1137	3	III	
18	4	Quản trị vận hành Operation management	QTKD1148	3	III	
19		2.2. Các học phần của ngành		61		
		2.2.1 Các học phần bắt buộc		31		
20	1	Kế hoạch hóa và điều khiển hệ thống Logistics Logistics Planning and Control Systems	TMKT1151	3	V	
21	2	Quản trị vận hành Logistics Operations Management in Logistics	TMKT1144	3	IV	
22	3	Quản trị doanh nghiệp Logistics Management of Logistics enterprise	TMKT1140	3	IV	
23	4	Quản trị vận tải đa phương thức Multi-modal Transport Management	TMKT1145	3	V	
24	5	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1116	3	IV	
25	6	Thương mại điện tử Electronic Commerce	TMQT1125	3	IV	
26	7	Thương mại quốc tế International Trade	TMQT1151	3	IV	
27	8	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3	IV	
28	9	E – Logistics E – Logistics	TMKT1136	3	V	
29	10	Chuyên đề thực tế (Project)	TMKT1155	4	IV-V-VI	
		2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 trong số 15 học phần sau đây)		30		
30	1	Quản trị dự trữ Inventory Management	TMKT1142	3	V	
...	2	Logistics trong doanh nghiệp Logistics in enterprises	TMKT1128	3	VI	
34	3	Nghiệp vụ hải quan 1 Customs Practice 1	TMQT1111	3	VI	
35	4	Cơ sở hạ tầng Logistics	TMKT1132	3	V	
...						
39						

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Logistics Infrastructure				
5	Kinh doanh thương mại Commercial Business	TMKT1114	3	VI	
6	Thanh toán và tín dụng Thương mại quốc tế Payment and credit in International Trade	NHQT1118	3	VII	
7	Nghiệp vụ mua bán hàng hoá ở DNTM Selling and purchasing techniques in trading enterprises	TMKT1139		IV	
8	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế Transportation and Freight Forwarding in International Trade	TMQT1134	3	VII	
9	Bao bì và thương hiệu hàng hóa Packaging and Branding	TMKT1129	3	VI	
10	Nghiệp vụ Kinh doanh xuất nhập khẩu Import-Export Practice	TMQT1144	3	VI	
11	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế International Supply Chain Management	TMKD1123	3	VII	
12	Thương mại doanh nghiệp Trading activities in enterprises	TMKT1146	3	V	
13	Định mức kinh tế – kỹ thuật Economics and Technical Norms for Enterprises	TMKT1135	3	VI	
14	Quản trị doanh nghiệp thương mại Management of trading enterprises	TMKT1141	3	VI	
15	Đấu thầu Bidding	DTKT1133	3	VII	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	TMKT1153	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)		130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: ...

- Đóng góp của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.
- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt...
- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...
- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.
- Đóng góp của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.
- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

Đại học Michigan State University tại

https://broad.msu.edu/app/uploads/2022/06/degree_requirements_asofFS22-EDITSS22d.pdf

Singapore University of Social Science tại <https://www.suss.edu.sg/programmes/detail/ft-bachelor-of-science-in-supply-chain-management>

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - o Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - o Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy

o Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành kinh doanh, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ **Trợ giảng**

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - o Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - o Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - o Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành kinh doanh, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

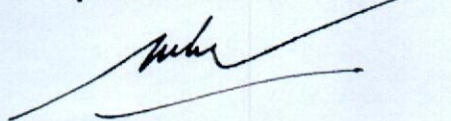
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS Tạ Văn Lợi



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương